

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I**Môn: Địa Lí - Lớp 10****Bộ sách: Cánh diều****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập các kiến thức cuối học kì 1 của chương trình sách giáo khoa Địa Lí.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm môn Địa Lí.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải các kiến thức cuối học kì 1 – chương trình Địa Lí 10.

Phân lý thuyết**1. Khí quyển, sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất**

- Nêu được khái niệm khí quyển.
- Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương, địa hình.
- Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ về yếu tố nhiệt độ của khí quyển.

2. Khí áp và gió

- Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.
- Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương.
- Phân tích được hình vẽ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (khí áp, gió).

3. Mưa

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới.
- Phân tích được hình vẽ, bản đồ về mưa.

4. Thủy quyển, nước trên lục địa

- Nêu được khái niệm thủy quyển.
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.
- Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể.

5. Sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật

- Trình bày được khái niệm sinh quyển.
- Phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển.

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.
6. Vỏ địa lí, quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí
- Trình bày khái niệm vỏ địa lí; phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất.
 - Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí; liên hệ được thực tế ở địa phương.
7. Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới
- Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và quy luật phi địa đới, liên hệ được thực tế ở địa phương.
 - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng quy luật địa đới và quy luật phi địa đới.

Phần trắc nghiệm

Câu 1: Phát biểu nào sau đây không đúng với frông?

- A. Hai bên khác biệt về nhiệt độ.
- B. Có frông nóng và frông lạnh.
- C. Là nơi có nhiều loạn thời tiết.
- D. Hướng gió hai bên giống nhau.

Câu 2: Thứ tự từ xích đạo về cực là các khối khí

- A. Xích đạo, cực, ôn đới, chí tuyến.
- B. Xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực.
- C. Xích đạo, ôn đới, chí tuyến, cực.
- D. Xích đạo, chí tuyến, cực, ôn đới.

Câu 3: Frông địa cực (FA) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí

- A. xích đạo và chí tuyến.
- B. chí tuyến và ôn đới.
- C. ôn đới và cực.
- D. cực và xích đạo.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây không đúng với vai trò của khí quyển?

- A. Rất quan trọng cho phát triển sinh vật.
- B. Luôn chịu ảnh hưởng của Mặt Trời.
- C. Là lớp không khí bao quanh Trái Đất.
- D. Giới hạn phía trên đến dưới lớp ôdôn.

Câu 5: Khối khí nào sau đây không phân biệt thành kiểu lục địa và kiểu hải dương?

- A. Cực.
- B. Chí tuyến.
- C. Xích đạo.
- D. Ôn đới.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây đúng với sự thay đổi của khí áp?

- A. Không khí càng loãng, khí áp giảm.
- B. Tỉ trọng không khí giảm, khí áp tăng.
- C. Độ ẩm tuyệt đối lên cao, khí áp tăng.
- D. Không khí càng khô, khí áp giảm.

Câu 7: Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do động lực?

- A. Cực, xích đạo.
- B. Chí tuyến, cực.
- C. Ôn đới, chí tuyến.
- D. Xích đạo, chí tuyến.

Câu 8: Các vành đai nào sau đây là áp cao?

- A. Cực, chí tuyến.
- B. Ôn đới, cực.
- C. Xích đạo, chí tuyến.
- D. Chí tuyến, ôn đới.

Câu 9: Khí áp là sức nén của

- A. luồng gió xuống mặt Trái Đất.
- B. luồng gió xuống mặt nước biển.
- C. không khí xuống mặt Trái Đất.
- D. không khí xuống mặt nước biển.

Câu 10: Vành đai áp nào sau đây chung cho cả hai bán cầu Bắc và Nam?

- A. Cực.
- B. Chí tuyến.
- C. Xích đạo.
- D. Ôn đới.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây không đúng với sự thay đổi của khí áp?

- A. Độ cao càng tăng, khí áp giảm.
- B. Có nhiều hơi nước, khí áp thấp.

- C. Nhiệt độ lên cao, khí áp giảm.
- D. Độ hanh khô tăng, khí áp thấp.

Câu 12: Nguyên nhân sinh ra gió là

- A. hai sườn của dãy núi.
- B. frông và dải hội tụ.
- C. áp cao và áp thấp.
- D. lục địa và đại dương.

Câu 13: Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

- A. cực về xích đạo.
- B. chí tuyến về ôn đới.
- C. cực về ôn đới.
- D. chí tuyến về xích đạo.

Câu 14: Trị số khí áp tỉ lệ

- A. thuận với nhiệt độ không khí.
- B. nghịch với độ cao cột khí.
- C. thuận với độ ẩm tuyệt đối.
- D. nghịch với tỉ trọng không khí.

Câu 15: Loại gió nào sau đây không phải là gió thường xuyên?

- A. Gió mùa.
- B. Gió Đông cực.
- C. Gió Tây ôn đới.
- D. Gió Mậu dịch.

Câu 16: Dòng chảy thường xuyên, tương đối lớn trên bề mặt lục địa gọi là

- A. hồ.
- B. mưa.
- C. đầm.
- D. sông.

Câu 17: Tổng lượng nước của sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố:

- A. nước ngầm, địa hình, các hồ đầm.
- B. nước ngầm, địa hình, thảm thực vật.
- C. lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm.
- D. lượng mưa, băng tuyết, các hồ đầm.

Câu 18: Ở đồng bằng lòng sông mở rộng hơn ở miền núi chủ yếu là do

- A. bề mặt địa hình bằng phẳng.
- B. lớp phủ thổ nhưỡng mềm.
- C. tốc độ nước chảy nhanh.
- D. tổng lưu lượng nước lớn.

Câu 19: Sự thay đổi của lưu lượng nước sông có tính chu kì trong năm gọi là

- A. lưu vực nước.
- B. chế độ nước.
- C. nguồn cấp nước.
- D. dòng chảy mặt.

Câu 20: Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông?

- A. Nước ngầm.
- B. Thực vật.
- C. Băng tuyết.
- D. Địa hình.

Câu 21: Ở miền ôn đới lạnh, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

- A. thực vật.
- B. chế độ mưa.
- C. băng tuyết.
- D. địa hình.

Câu 22: Sông nào sau đây có diện tích lưu vực rộng nhất thế giới?

- A. I-ê-nit-xây.
- B. A-ma-dôn.
- C. Mê Công.
- D. Nin.

Câu 23: Sóng biển là

- A. sự dao động tại chỗ của nước biển theo chiều thẳng đứng.
- B. một hình thức dao động của nước biển theo chiều ngang.
- C. sự chuyển động tại chỗ của nước biển theo chiều thẳng đứng.
- D. quá trình chuyển động của nước biển theo chiều thẳng đứng.

Câu 24: Thủy triều là

- A. hiện tượng dao động thường xuyên có chu kì của các khối nước trong các biển và đại Dương.
- B. hiện tượng các khối nước trong các biển và đại dương lên xuống do sức hút của Mặt Trăng.

- C. một dạng vận động thường xuyên của các khối nước có chu kì trong các biển và đại Dương.
D. hiện tượng dao động thường xuyên, không có chu kì của các khối nước trong các biển và đại Dương.

Câu 25: Các dòng biển lạnh thường xuất phát ở khu vực nào?

- A. Vùng cực.
B. Vĩ độ 40° - 50° .
C. Vĩ độ 50° - 60° .
D. Vĩ độ 30° - 40° .

Câu 26: Sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời cùng hướng với nhau sẽ làm cho thủy triều

- A. trung bình.
B. bình thường.
C. lớn nhất.
D. thấp nhất.

Câu 27: Dao động của thủy triều nhỏ nhất khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào?

- A. Đối xứng.
B. Vuông góc.
C. Vòng cung.
D. Thẳng hàng.

Câu 28: Thổ nhưỡng là lớp vật chất

- A. mềm bở ở bề mặt lục địa.
B. tơi xốp ở bề mặt lục địa.
C. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

Câu 29: Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?

- A. Địa hình.
B. Sinh vật.
C. Khí hậu.
D. Đá mẹ.

Câu 30: Đặc trưng của thổ nhưỡng là

- A. độ ẩm.
B. tơi xốp.

C. vụn bờ.

D. độ phì.

Câu 31: Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên độ phì của đất?

A. Sinh vật, đá mẹ.

B. Khí hậu, sinh vật.

C. Địa hình, đá mẹ.

D. Đá mẹ, khí hậu.

Câu 32: Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên các thành phần chủ yếu của đất?

A. Khí hậu, sinh vật.

B. Đá mẹ, khí hậu.

C. Địa hình, đá mẹ.

D. Sinh vật, đá mẹ.

Câu 33: Thứ tự từ bề mặt đất xuống sâu là

A. đá gốc, lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng.

B. lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng, đá gốc.

C. đá gốc, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá.

D. lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá, đá gốc.

Câu 34: Các yếu tố khí hậu nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất?

A. Nhiệt và ẩm.

B. Ẩm và khí.

C. Khí và nhiệt.

D. Nhiệt và nước.

Câu 35: Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

A. sinh vật.

B. thực vật.

C. vi sinh vật.

D. động vật.

Câu 36: Các yếu tố khí hậu nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất?

A. Nhiệt và ẩm.

B. Ẩm và khí.

- C. Khí và nhiệt.
- D. Nhiệt và nước.

Câu 37: Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

- A. Sinh vật.
- B. Đá mẹ.
- C. Địa hình.
- D. Khí hậu.

Câu 38: Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?

- A. Địa hình.
- B. Sinh vật.
- C. Khí hậu.
- D. Đá mẹ.

Câu 39: Trong việc hình thành đất, thực vật không có vai trò nào sau đây?

- A. Phân giải, tổng hợp chất mùn.
- B. Góp phần làm phá huỷ đá.
- C. Cung cấp vật chất hữu cơ.
- D. Hạn chế sự xói mòn, rửa trôi.

Câu 40: Trong việc hình thành đất, khí hậu không có vai trò nào sau đây?

- A. Ảnh hưởng đến hoà tan, rửa trôi vật chất.
- B. Tạo môi trường cho hoạt động vi sinh vật.
- C. Cung cấp vật chất hữu cơ và khí cho đất.
- D. Làm cho đá gốc bị phân huỷ về mặt vật lí.

Câu 41: Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên độ phì của đất?

- A. Sinh vật, đá mẹ.
- B. Khí hậu, sinh vật.
- C. Địa hình, đá mẹ.
- D. Đá mẹ, khí hậu.

Câu 42: Căn cứ vào yếu tố nào sau đây để phân biệt đất với đá, nước, sinh vật, địa hình?

- A. Độ ẩm.
- B. Độ phì.
- C. Độ rắn.
- D. Nhiệt độ.

Câu 43: Tác động quan trọng nhất của sinh vật đối với việc hình thành đất là

- A. làm đá gốc bị phá huỷ.
- B. tạo các vành đai đất.
- C. cung cấp chất hữu cơ.
- D. cung cấp chất vô cơ.

Câu 44: Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

- A. sinh vật.
- B. thực vật.
- C. vi sinh vật.
- D. động vật.

Câu 45: Tác động nào sau đây của con người không ảnh hưởng tới quá trình hình thành đất?

- A. Đưa vật nuôi từ lục địa này sang lục địa khác.
- B. Tăng cường chặt phá rừng, phá rừng bừa bãi.
- C. Bón phân, làm thuỷ lợi, thau chua rửa mặn.
- D. Đốt nương làm rẫy, làm nhiều vụ trong năm.

Câu 46: Thổ nhưỡng là lớp vật chất

- A. mềm bở ở bề mặt lục địa.
- B. tơi xốp ở bề mặt lục địa.
- C. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
- D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

Câu 47: Phát biểu nào sau đây đúng với hoạt động của các nhân tố hình thành đất?

- A. Tác động theo các thứ tự.
- B. Không ảnh hưởng nhau.
- C. Có mối quan hệ với nhau.
- D. Không đồng thời tác động.

Câu 48: Phát biểu nào sau đây không đúng về vai trò của đá mẹ đối với việc hình thành đất?

- A. Nguồn cung cấp vật chất vô cơ.
- B. Quyết định thành phần khoáng vật.
- C. Quyết định thành phần cơ giới.
- D. Nguồn cung cấp vật chất hữu cơ.

Câu 49: Đặc điểm nào sau đây không đúng với thành phần hữu cơ trong đất?

- A. Thành phần quan trọng nhất của đất.
- B. Thường ở tầng trên cùng của đất.

C. Đá mẹ là sinh ra thành phần hữu cơ.

D. Chiếm một tỉ lệ nhỏ trong lớp đất.

Câu 50: Đặc trưng của thổ nhưỡng là

A. độ ẩm.

B. tơi xốp.

C. vụn bờ.

D. độ phì.

Câu 51: Thành phần hữu cơ của lớp đất có đặc điểm nào sau đây?

A. Chiếm một tỉ lệ lớn trong lớp đất.

B. Tồn tại ở giữa các khe hở của đất.

C. Nằm ở tầng dưới cùng của lớp đất.

D. Thành phần quan trọng nhất của đất.

Câu 52: Hoạt động nào sau đây của con người không làm biến đổi tính chất của đất?

A. Lâm nghiệp.

B. Công nghiệp.

C. Ngư nghiệp.

D. Nông nghiệp.

Câu 53: Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là gì?

A. Sinh vật.

B. Khí hậu.

C. Đá mẹ.

D. Địa hình.

Câu 54: Vai trò của địa hình trong việc hình thành đất là gì?

A. Làm phá huỷ đá gốc.

B. Cung cấp chất hữu cơ.

C. Tạo các vành đai đất.

D. Cung cấp chất vô cơ.

----- Hết -----

**Phần trắc nghiệm**

Câu 1: D	Câu 2: B	Câu 3: C	Câu 4: C	Câu 5: C	Câu 6: A
Câu 7: C	Câu 8: A	Câu 9: C	Câu 10: C	Câu 11: D	Câu 12: C
Câu 13: B	Câu 14: B	Câu 15: A	Câu 16: D	Câu 17: C	Câu 18: A
Câu 19: B	Câu 20: A	Câu 21: C	Câu 22: B	Câu 23: A	Câu 24: A
Câu 25: C	Câu 26: C	Câu 27: B	Câu 28: B	Câu 29: D	Câu 30: D
Câu 31: B	Câu 32: D	Câu 33: D	Câu 34: A	Câu 35: B	Câu 36: A
Câu 37: B	Câu 38: D	Câu 39: A	Câu 40: C	Câu 41: B	Câu 42: B
Câu 43: C	Câu 44: B	Câu 45: B	Câu 46: B	Câu 47: C	Câu 48: D
Câu 49: C	Câu 50: D	Câu 51: D	Câu 52: B	Câu 53: A	Câu 54: C

Câu 1: Phát biểu nào sau đây không đúng với frông?

- A. Hai bên khác biệt về nhiệt độ.
- B. Có frông nóng và frông lạnh.
- C. Là nơi có nhiều loạn thời tiết.
- D. Hướng gió hai bên giống nhau.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “không đúng”.

Nắm chắc kiến thức về Frông.

Lời giải

Frông là mặt tiếp xúc của hai khối khí có nguồn gốc và tính chất vật lí khác nhau, nơi không khí bị nhiễu loạn và sinh ra mưa.

Có hai loại frông: frông nóng và frông lạnh.

⇒ Phát biểu hướng gió hai bên giống nhau không đúng với frông

Đáp án D.

Câu 2: Thứ tự từ xích đạo về cực là các khối khí

- A. Xích đạo, cực, ôn đới, chí tuyến.
- B. Xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực.
- C. Xích đạo, ôn đới, chí tuyến, cực.
- D. Xích đạo, chí tuyến, cực, ôn đới.

Phương pháp

Nắm kiến thức về khối khí từ đó xác định vị trí các khối khí từ xích đạo về cực.

Lời giải

Mỗi bán cầu có bốn khối khí chính, đó là khối khí: cực, ôn đới, chí tuyến, xích đạo. Thứ tự từ xích đạo về cực của các khối khí:

- Khối khí xích đạo nóng ẩm khí hiệu là E.
- Khối khí chí tuyến (nhiệt đới) rất nóng, kí hiệu là T.
- Khối khí ôn đới lạnh, kí hiệu là P.
- Khối khí bắc cực, nam cực rất lạnh với kí hiệu là A.

Đáp án B.

Câu 3: Frông địa cực (FA) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí

- A. xích đạo và chí tuyến.
- B. chí tuyến và ôn đới.
- C. ôn đới và cực.
- D. cực và xích đạo.

Phương pháp

Xác định vị trí Frông địa cực nằm ở khoảng vĩ độ 60, từ đó xác định hai khối khí nằm ở hai bên mặt frông địa cực

Lời giải

Frông địa cực (FA) là mặt ngăn cách hai khối khí ôn đới và cực.

Đáp án C.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây không đúng với vai trò của khí quyển?

- A. Rất quan trọng cho phát triển sinh vật.
- B. Luôn chịu ảnh hưởng của Mặt Trời.
- C. Là lớp không khí bao quanh Trái Đất.
- D. Giới hạn phía trên đến dưới lớp ôdôn.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “không đúng”, “vai trò khí quyển”.

Nắm chắc kiến thức vai trò khí quyển.

Lời giải

Khí quyển là lớp không khí bao quanh Trái Đất, luôn chịu ảnh hưởng của Vũ Trụ, trước hết là Mặt Trời.

Khí quyển rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của sinh vật trên Trái Đất, đồng thời là lớp vỏ bảo vệ Trái Đất

Đáp án C.

Câu 5: Khối khí nào sau đây không phân biệt thành kiểu lục địa và kiểu hải dương?

- A. Cực.
- B. Chí tuyến.
- C. Xích đạo.
- D. Ôn đới.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về khối khí

Lời giải

Mỗi bán cầu có bốn khối khí chính, đó là khối khí: cực, ôn đới, chí tuyến, xích đạo. Thứ tự từ xích đạo về cực của các khối khí:

- Khối khí xích đạo nóng ẩm khí hiệu là E.
- Khối khí chí tuyến (nhiệt đới) rất nóng, kí hiệu là T.
- Khối khí ôn đới lạnh, kí hiệu là P.
- Khối khí bắc cực, nam cực rất lạnh với kí hiệu là A.

Từng khối khí lại phân biệt thành kiểu hải dương (ẩm), kí hiệu m và kiểu lục địa (khô), kí hiệu là c.

Riêng khối khí xích đạo chỉ có một kiểu là khối khí hải dương, kí hiệu là Em

Đáp án C.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây đúng với sự thay đổi của khí áp?

- A. Không khí càng loãng, khí áp giảm.
- B. Tỉ trọng không khí giảm, khí áp tăng.
- C. Độ ẩm tuyệt đối lên cao, khí áp tăng.
- D. Không khí càng khô, khí áp giảm.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về nguyên nhân thay đổi của khí áp: Khí áp thay đổi theo độ cao, khí áp thay đổi theo nhiệt độ, khí áp thay đổi theo độ ẩm.

Lời giải

Phân tích từng đáp án:

Đáp án A đúng vì không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ, do đó khí áp giảm.

Đáp án B sai vì tỉ trọng không khí giảm thì khí áp giảm.

Đáp án C sai vì không khí chứa nhiều hơi nước khí áp cũng giảm, do đó độ ẩm tuyệt đối lên cao thì khí áp giảm.

Đáp án D sai vì không khí khô sức nén không khí nặng hơn, khí áp tăng.

Đáp án A.

Câu 7: Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do động lực?

- A. Cực, xích đạo.
- B. Chí tuyến, cực.
- C. Ôn đới, chí tuyến.
- D. Xích đạo, chí tuyến.

Phương pháp

Xác định nguyên nhân hình thành các vành đai khí áp.

Lời giải

Các vành đai được hình thành do động lực đai áp cao chí tuyến và đai áp thấp ôn đới.

Đáp án C.

Câu 8: Các vành đai nào sau đây là áp cao?

- A. Cực, chí tuyến.
- B. Ôn đới, cực.
- C. Xích đạo, chí tuyến.
- D. Chí tuyến, ôn đới.

Phương pháp

Xác định các đai áp cao và đai áp thấp chính thường xuyên trên Trái Đất.

Lời giải

Các vành đai áp cao: chí tuyến, cực.

Các vành đai áp thấp: xích đạo, ôn đới

Đáp án A.

Câu 9: Khí áp là sức nén của

- A. luồng gió xuống mặt Trái Đất.
- B. luồng gió xuống mặt nước biển.
- C. không khí xuống mặt Trái Đất.
- D. không khí xuống mặt nước biển.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm của khí áp

Lời giải

Khí áp là sức nén của không khí xuống bề mặt Trái Đất.

Đáp án C.

Câu 10: Vành đai áp nào sau đây chung cho cả hai bán cầu Bắc và Nam?

- A. Cực.
- B. Chí tuyến.
- C. Xích đạo.
- D. Ôn đới.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về vị trí các vành đai khí áp

Lời giải

Các đai áp cao và áp thấp phân bố xen kẽ và đối xứng qua đai áp thấp xích đạo

Đáp án C.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây không đúng với sự thay đổi của khí áp?

- A. Độ cao càng tăng, khí áp giảm.
- B. Có nhiều hơi nước, khí áp thấp.
- C. Nhiệt độ lên cao, khí áp giảm.
- D. Độ hanh khô tăng, khí áp thấp.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “không đúng”.

Nắm chắc sự thay đổi của khí áp theo độ cao, nhiệt độ và độ ẩm

Lời giải

Phân tích từng đáp án:

Đáp án A sai vì càng lên cao không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ, do đó khí áp giảm.

Đáp án B sai vì không khí chứa nhiều hơi nước khí áp giảm nên khí áp thấp.

Đáp án C sai vì nhiệt độ tăng, không khí nở ra, tỉ trọng giảm đi, khí áp giảm.

Đáp án D đúng vì không khí khô nặng hơn không khí ẩm, sức nén xuống bề mặt đất lớn hơn vì vậy hình thành khí áp cao

Đáp án D.

Câu 12: Nguyên nhân sinh ra gió là

- A. hai sườn của dãy núi.
- B. frông và dải hội tụ.
- C. áp cao và áp thấp.
- D. lục địa và đại dương.

Phương pháp

Xác định nguyên nhân sinh ra gió

Lời giải

Gió là luồng không khí thổi từ các khu khí áp cao về khu khí áp thấp.

Đáp án C.

Câu 13: Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

- A. cực về xích đạo.
- B. chí tuyến về ôn đới.
- C. cực về ôn đới.
- D. chí tuyến về xích đạo.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về gió Tây ôn đới (nguyên nhân, hướng, tính chất, thời gian và phạm vi hoạt động).

Lời giải

Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao chí tuyến về áp thấp ôn đới

Đáp án B.

Câu 14: Trị số khí áp tỉ lệ

- A. thuận với nhiệt độ không khí.
- B. nghịch với độ cao cột khí.
- C. thuận với độ ẩm tuyệt đối.
- D. nghịch với tỉ trọng không khí.

Phương pháp

Trị số khí áp có thể hiểu là trị số sức nén của không khí xuống bề mặt đất.

Lời giải

Phân tích từng đáp án:

Đáp án A sai vì trị số khí áp tỉ lệ nghịch với nhiệt độ không khí. Nhiệt độ tăng, không khí nở ra, tỉ trọng giảm đi, khí áp giảm. Nhiệt độ giảm, không khí co lại, tỉ trọng tăng nên khí áp tăng.

Đáp án B đúng vì trị số khí áp tỉ lệ nghịch với độ cao cột khí, càng lên cao không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ, do đó khí áp giảm

Đáp án C sai vì trị số khí áp tỉ lệ nghịch với độ ẩm tuyệt đối. Độ ẩm tuyệt đối cao thì khí áp giảm và ngược lại.

Đáp án D sai vì trị số khí áp tỉ lệ thuận với tỉ trọng không khí, tỉ trọng tăng khí áp tăng, tỉ trọng giảm khí áp giảm.

Đáp án B.

Câu 15: Loại gió nào sau đây không phải là gió thường xuyên?

- A. Gió mùa.
- B. Gió Đông cực.
- C. Gió Tây ôn đới.
- D. Gió Mậu dịch.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về các loại gió thường xuyên và gió mùa

Lời giải

Các loại gió thường xuyên: gió Đông cực, gió Tây ôn đới, gió Mậu dịch.

Gió không thường xuyên: gió mùa.

Đáp án A.

Câu 16: Dòng chảy thường xuyên, tương đối lớn trên bề mặt lục địa gọi là

- A. hồ.
- B. mưa.
- C. đầm.
- D. sông.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố hồ, mưa, đầm, sông.

Lời giải

Dòng chảy thường xuyên, tương đối lớn trên bề mặt lục địa gọi là sông.

Đáp án D.

Câu 17: Tổng lượng nước của sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố:

- A. nước ngầm, địa hình, các hồ đầm.
- B. nước ngầm, địa hình, thảm thực vật.
- C. lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm.
- D. lượng mưa, băng tuyết, các hồ đầm.

Phương pháp

Lượng nước sông chịu tác động chủ yếu từ nguồn cung cấp nước.

Lời giải

Nguồn cung cấp nước bao gồm nước trên bề mặt (lượng mưa, băng tuyết) và nước ngầm. Do đó, tổng lượng nước sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm.

Đáp án C.

Câu 18: Ở đồng bằng lòng sông mở rộng hơn ở miền núi chủ yếu là do

- A. bề mặt địa hình bằng phẳng.
- B. lớp phủ thổ nhưỡng mềm.
- C. tốc độ nước chảy nhanh.
- D. tổng lưu lượng nước lớn.

Phương pháp

Xác định nguyên nhân lòng sông ở đồng bằng rộng hơn ở miền núi

Lời giải

Ở đồng bằng lòng sông mở rộng hơn ở miền núi chủ yếu là do bề mặt địa hình bằng phẳng khiến nước sông chạy chậm lại, tạo điều kiện cho sông mở rộng, hình thành lòng sông rộng hơn

Đáp án A.

Câu 19: Sự thay đổi của lưu lượng nước sông có tính chu kì trong năm gọi là

- A. lưu vực nước.
- B. chế độ nước.
- C. nguồn cấp nước.
- D. dòng chảy mặt.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về thủy quyển, sông

Lời giải

Sự thay đổi của lưu lượng nước sông có tính chu kì trong năm gọi là chế độ nước

Đáp án B.

Câu 20: Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông?

- A. Nước ngầm.
- B. Thực vật.
- C. Băng tuyết.
- D. Địa hình.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nước ngầm có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông.

Đáp án A.

Câu 21: Ở miền ôn đới lạnh, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

- A. thực vật.
- B. chế độ mưa.
- C. băng tuyết.
- D. địa hình.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Ở miền ôn đới lạnh, nhân tố tác động đến chế độ nước sông là nước ngầm

Đáp án C

Câu 22: Sông nào sau đây có diện tích lưu vực rộng nhất thế giới?

- A. I-ê-nit-xây.
- B. A-ma-dôn.
- C. Mê Công.
- D. Nin.

Phương pháp

Xác định diện tích lưu vực của một số con sông lớn.

Lời giải

Sông Nin có diện tích lưu vực 2881000 km^2

Sông A-ma-dôn có diện tích lưu vực lớn nhất trên thế giới 7170000 km^2

Sông I-ê-nit-xây có diện tích lưu vực 2580000 km^2

Đáp án B.

Câu 23: Sóng biển là

- A. sự dao động tại chỗ của nước biển theo chiều thẳng đứng.
- B. một hình thức dao động của nước biển theo chiều ngang.
- C. sự chuyển động tại chỗ của nước biển theo chiều thẳng đứng.
- D. quá trình chuyển động của nước biển theo chiều thẳng đứng.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về sóng

Lời giải

Sóng biển là sự dao động tại chỗ của nước biển theo chiều thẳng đứng.

Đáp án A.

Câu 24: Thủy triều là

- A. hiện tượng dao động thường xuyên có chu kì của các khối nước trong các biển và đại Dương.
- B. hiện tượng các khối nước trong các biển và đại dương lên xuống do sức hút của Mặt Trăng.
- C. một dạng vận động thường xuyên của các khối nước có chu kì trong các biển và đại Dương.
- D. hiện tượng dao động thường xuyên, không có chu kì của các khối nước trong các biển và đại Dương.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức khái niệm thủy triều

Lời giải

Thủy triều là hiện tượng dao động thường xuyên có chu kì của các khối nước trong các biển và đại Dương.

Đáp án A.

Câu 25: Các dòng biển lạnh thường xuất phát ở khu vực nào?

- A. Vùng cực.
- B. Vĩ độ $40^\circ - 50^\circ$.
- C. Vĩ độ $50^\circ - 60^\circ$.
- D. Vĩ độ $30^\circ - 40^\circ$.

Phương pháp

Xác định phạm vi hoạt động của thủy triều

Lời giải

Các dòng biển lạnh thường xuất phát tại các vĩ độ cao (vĩ độ $50^\circ - 60^\circ$) về nơi có vĩ độ thấp,

Đáp án C.

Câu 26: Sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời cùng hướng với nhau sẽ làm cho thủy triều

- A. trung bình.
- B. bình thường.
- C. lớn nhất.
- D. thấp nhất.

Phương pháp

Xác định ảnh hưởng của Mặt Trăng, Mặt Trời đến thủy triều

Lời giải

Sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời cùng hướng (thẳng hàng) với nhau sẽ làm cho thủy triều lớn nhất.

Đáp án C.

Câu 27: Dao động của thủy triều nhỏ nhất khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào?

- A. Đối xứng.
- B. Vuông góc.
- C. Vòng cung.
- D. Thẳng hàng.

Phương pháp

Xác định ảnh hưởng của Mặt Trăng, Mặt Trời đến thủy triều

Lời giải

Dao động của thủy triều nhỏ nhất khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí vuông góc

Đáp án B.

Câu 28: Thổ nhưỡng là lớp vật chất

- A. mềm bở ở bề mặt lục địa.
- B. tơi xốp ở bề mặt lục địa.
- C. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
- D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm của thổ nhưỡng

Lời giải

Thổ nhưỡng là lớp vật chất tơi xốp ở bề mặt lục địa.

Đáp án B.

Câu 29: Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?

- A. Địa hình.
- B. Sinh vật.
- C. Khí hậu.
- D. Đá mẹ.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Đá mẹ là nguồn cung cấp chất vô cơ cho đất

Đáp án D.

Câu 30: Đặc trưng của thổ nhưỡng là

- A. độ ẩm.
- B. tơi xốp.

C. vụn bờ.

D. độ phì.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm của thổ nhưỡng.

Lời giải

Đặc trưng của thổ nhưỡng là độ phì

Đáp án D.

Câu 31: Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên độ phì của đất?

A. Sinh vật, đá mẹ.

B. Khí hậu, sinh vật.

C. Địa hình, đá mẹ.

D. Đá mẹ, khí hậu.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Các nhân tố có tác động quan trọng đến việc hình thành độ phì của đất là khí hậu và sinh vật

Đáp án B

Câu 32: Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên các thành phần chủ yếu của đất?

A. Khí hậu, sinh vật.

B. Đá mẹ, khí hậu.

C. Địa hình, đá mẹ.

D. Sinh vật, đá mẹ.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Các nhân tố có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên các thành phần chủ yếu của đất là đá mẹ và sinh vật. Đá mẹ cung cấp chất vô cơ và sinh vật cung cấp chất hữu cơ cho đất.

Đáp án D.

Câu 33: Thứ tự từ bề mặt đất xuống sâu là

A. đá gốc, lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng.

B. lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng, đá gốc.

C. đá gốc, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá.

D. lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá, đá gốc.

Phương pháp

Xác định thành phần cấu trúc và vị trí của các thành phần này.

Lời giải

Thứ tự từ bề mặt đất xuống sâu là lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá, đá gốc.

Đáp án D.

Câu 34: Các yếu tố khí hậu nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất?

A. Nhiệt và ẩm.

B. Ẩm và khí.

C. Khí và nhiệt.

D. Nhiệt và nước.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Các yếu tố khí hậu có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất là nhiệt và ẩm.

Đáp án A.

Câu 35: Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

A. sinh vật.

B. thực vật.

C. vi sinh vật.

D. động vật.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm của độ phì

Lời giải

Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho thực vật.

Đáp án B.

Câu 36: Các yếu tố khí hậu nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất?

A. Nhiệt và ẩm.

B. Ẩm và khí.

C. Khí và nhiệt.

D. Nhiệt và nước.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Các yếu tố khí hậu có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất là nhiệt và ẩm.

Đáp án A.

Câu 37: Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

- A. Sinh vật.
- B. Đá mẹ.
- C. Địa hình.
- D. Khí hậu.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Nhân tố có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất là sinh vật

Đáp án B.

Câu 38: Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?

- A. Địa hình.
- B. Sinh vật.
- C. Khí hậu.
- D. Đá mẹ.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Nhân tố có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất là đá mẹ.

Đáp án D.

Câu 39: Trong việc hình thành đất, thực vật không có vai trò nào sau đây?

- A. Phân giải, tổng hợp chất mùn.
- B. Góp phần làm phá hủy đá.
- C. Cung cấp vật chất hữu cơ.
- D. Hạn chế sự xói mòn, rửa trôi.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Trong việc hình thành đất, thực vật không có vai trò phân giải và tổng hợp chất mùn, đây là vai trò của vi sinh vật

Đáp án A.

Câu 40: Trong việc hình thành đất, khí hậu không có vai trò nào sau đây?

- A. Ảnh hưởng đến hoà tan, rửa trôi vật chất.
- B. Tạo môi trường cho hoạt động vi sinh vật.
- C. Cung cấp vật chất hữu cơ và khí cho đất.
- D. Làm cho đá gốc bị phân huỷ về mặt vật lí.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Trong việc hình thành đất, khí hậu không có vai trò làm cung cấp vật chất hữu cơ và khí cho đất.

Đáp án C.

Câu 41: Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên độ phì của đất?

- A. Sinh vật, đá mẹ.
- B. Khí hậu, sinh vật.
- C. Địa hình, đá mẹ.
- D. Đá mẹ, khí hậu.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Các nhân tố có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên độ phì của đất là khí hậu, sinh vật.

Đáp án B.

Câu 42: Căn cứ vào yếu tố nào sau đây để phân biệt đất với đá, nước, sinh vật, địa hình?

- A. Độ ẩm.
- B. Độ phì.
- C. Độ rắn.
- D. Nhiệt độ.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức khái niệm thổ nhưỡng

Lời giải

Đất đặc trưng bởi độ phì, yếu tố này phân biệt đất với đá, nước, sinh vật, địa hình.

Đáp án B.

Câu 43: Tác động quan trọng nhất của sinh vật đối với việc hình thành đất là

- A. làm đá gốc bị phá huỷ.
- B. tạo các vành đai đất.
- C. cung cấp chất hữu cơ.
- D. cung cấp chất vô cơ.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Lời giải

Tác động quan trọng nhất của sinh vật đối với việc hình thành đất là cung cấp chất hữu cơ.

Đáp án C.

Câu 44: Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

- A. sinh vật.
- B. thực vật.
- C. vi sinh vật.
- D. động vật.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức khái niệm độ phì

Lời giải

Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho thực vật.

Đáp án B.

Câu 45: Tác động nào sau đây của con người không ảnh hưởng tới quá trình hình thành đất?

- A. Đưa vật nuôi từ lục địa này sang lục địa khác.
- B. Tăng cường chặt phá rừng, phá rừng bừa bãi.
- C. Bón phân, làm thuỷ lợi, thau chua rửa mặn.
- D. Đốt nương làm rẫy, làm nhiều vụ trong năm.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Chú ý từ khóa “không ảnh hưởng”

Lời giải

Tác động của con người không ảnh hưởng tới quá trình hình thành đất là tăng cường chặt phá rừng, phá rừng bừa bãi.

Đáp án B.

Câu 46: Thổ nhưỡng là lớp vật chất

- A. mềm bở ở bề mặt lục địa.
- B. tối xốp ở bề mặt lục địa.
- C. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
- D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm thổ nhưỡng

Lời giải

Thổ nhưỡng là lớp vật chất . tối xốp ở bề mặt lục địa.

Đáp án B.

Câu 47: Phát biểu nào sau đây đúng với hoạt động của các nhân tố hình thành đất?

- A. Tác động theo các thứ tự.
- B. Không ảnh hưởng nhau.
- C. Có mối quan hệ với nhau.
- D. Không đồng thời tác động.

Phương pháp

Xác định hoạt động của các nhân tố hình thành đất

Lời giải

Hoạt động của các nhân tố hình thành đất có mối quan hệ với nhau

Đáp án C

Câu 48: Phát biểu nào sau đây không đúng về vai trò của đá mẹ đối với việc hình thành đất?

- A. Nguồn cung cấp vật chất vô cơ.
- B. Quyết định thành phần khoáng vật.
- C. Quyết định thành phần cơ giới.
- D. Nguồn cung cấp vật chất hữu cơ.

Phương pháp

Nắm chắc các nhân tố tham gia vào quá trình hình thành đất, xác định ý nghĩa của mỗi nhân tố.

Chú ý từ khóa “không đúng”

Lời giải

Phát biểu không đúng về vai trò của đá mẹ đối với việc hình thành đất là đá mẹ là nguồn cung cấp vật chất hữu cơ.

Đáp án D

Câu 49: Đặc điểm nào sau đây không đúng với thành phần hữu cơ trong đất?

- A. Thành phần quan trọng nhất của đất.
- B. Thường ở tầng trên cùng của đất.
- C. Đá mẹ là sinh ra thành phần hữu cơ.
- D. Chiếm một tỉ lệ nhỏ trong lớp đất.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về đất

Lời giải

Đặc điểm không đúng với thành phần hữu cơ trong đất là “Đá mẹ sinh ra thành phần hữu cơ”, thành phần hữu cơ tạo ra bởi sinh vật

Đáp án C.

Câu 50: Đặc trưng của thổ nhưỡng là

- A. độ ẩm.
- B. tơi xốp.
- C. vụn bờ.
- D. độ phì.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về thổ nhưỡng

Lời giải

Đặc trưng của thổ nhưỡng là độ phì

Đáp án D.

Câu 51: Thành phần hữu cơ của lớp đất có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chiếm một tỉ lệ lớn trong lớp đất.
- B. Tồn tại ở giữa các khe hở của đất.
- C. Nằm ở tầng dưới cùng của lớp đất.
- D. Thành phần quan trọng nhất của đất.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về đất

Lời giải

Thành phần hữu cơ của lớp đất là thành phần quan trọng nhất của đất

Đáp án D.

Câu 52: Hoạt động nào sau đây của con người không làm biến đổi tính chất của đất?

- A. Lâm nghiệp.
- B. Công nghiệp.
- C. Ngư nghiệp.
- D. Nông nghiệp.

Phương pháp

Xác định yếu tố con người ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất, làm biến đổi tính chất của đất

Lời giải

Hoạt động của con người không làm biến đổi tính chất của đất là công nghiệp

Đáp án B.

Câu 53: Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là gì?

- A. Sinh vật.
- B. Khí hậu.
- C. Đá mẹ.
- D. Địa hình.

Phương pháp

Xác định vai trò của các nhân tố sinh vật, khí hậu, đá mẹ, địa hình trong quá trình hình thành đất.

Lời giải

Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là sinh vật

Đáp án A.

Câu 54: Vai trò của địa hình trong việc hình thành đất là gì?

- A. Làm phá huỷ đá gốc.
- B. Cung cấp chất hữu cơ.
- C. Tạo các vành đai đất.
- D. Cung cấp chất vô cơ.

Phương pháp

Xác định vai trò của địa hình trong quá trình hình thành đất

Lời giải

Sự thay đổi của các yếu tố nhiệt, ẩm theo độ ẩm đã tác động đến quá trình hình thành đất từ đó tạo nên các vành đai đất theo độ cao.

Đáp án C.

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiai